

Số: 30 /BC-PGDĐT

Bến Cát, ngày 07 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Kết quả tổng hợp Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số**  
**của cơ sở giáo dục năm học 2023- 2024**

Căn cứ Công văn số 140/SGDDĐT-VP ngày 15/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024.

Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo tình hình triển khai, kết quả tổng hợp Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

- Tổ chức triển khai<sup>1</sup> hướng dẫn đánh giá<sup>2</sup> mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổng hợp kết quả tự đánh giá của 25 đơn vị Tiểu học và THCS về Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2023-2024 (mã QR đính kèm):



- Thực hiện công bố kết quả trên Công thông tin điện tử của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố qua link <https://bencat.edu.vn>.

Trên là báo cáo của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Bến Cát về đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2023-2024./

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Phú Hải**

<sup>1</sup> Công văn số 117/PGDDĐT ngày 01/02/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

<sup>2</sup> Công văn số 207/PGDDĐT ngày 07/3/2024 về việc hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024.



**PHỤ LỤC BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

STT	Tên chỉ tiêu	Điểm thành phần	Mức độ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
				TH MP	TH DT	TH HL	TH ĐP	TH TB	TH AT	TH AD	TH TH	TH TQT	TH AS	TH CPH	TH TVO	TH LTV	TH HHH	TH VTS	TH AL	THCS BP	THCS LQD	THCS PA	THCS HL	THCS MP	THCS TH AD	THCS CPH	THCS MT	
I	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>			90	88	51	91	79	62	56	75	77	73	77	82	88	70	57	74	72	70	94	79	100	90	85	93	89
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp, ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)			Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Trên khai phần mềm dạy học trực tuyến:	Tối đa 6 điểm		6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)																											
1.3.	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tư vấn đúng/hàng/nhau).			18	12	6	18	6	0	0	6	6	18	18	6	12	6	0	6	12	0	18	12	24	18	18	24	18
	- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:																											
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;																											
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;																											
	(3) Tự chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;																											
	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.																											
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chức triển khai thông qua và được người dùng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	- ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm		6	10	6	10	6	10	6	10	3	10	3	10	10	10	6	10	3	10	10	3	10	6	6	6	10
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính, có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	Tối đa 15 điểm		15	15	0	15	15	15	15	15	15	10	15	15	15	15	15	15	10	14	15	15	15	15	10	15	10
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	Tối đa 5 điểm		5	5	0	5	5	0	0	5	0	4	0	5	5	5	0	5	3	0	5	5	5	5	5	5	5
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tư vấn đường qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		7	7	2	7	7	7	7	7	7	4	7	7	7	7	0	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
	- Tỷ lệ giáo viên có thể sử dụng được học liệu số, bài giảng điện tử	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		6	6	4	6	6	6	6	6	6	4	6	6	6	6	6	6	6	6	6	4	6	6	6	6	6



STT	Tiêu chí	Điểm thành phần	Mức độ	TH MP	TH DT	TH HL	TH ĐP	TH TB	TH AT	TH AD	TH TH	TH TH	TH TQT	TH AS	TH CPH	TH TVO	TH LTV	TH HHH	TH VTS	TH AL	THCS BP	THCS LQD	THCS PA	THCS HL	THCS MP	THCS TH	THCS AD	THCS CPH	THCS MT		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đối số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên >60%, tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
		Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
		Mức độ 3: trên 14 điểm	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	Tối đa 5 điểm	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
			Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	Tối đa 6 điểm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2.2.	Cơ ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Tối đa 6 điểm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2.3.	Cơ triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử (gung cấp thông tin: tên giải pháp, tư vấn định/mua/ thuê)	Tối đa 6 điểm	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2.4.	Cơ triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất (gung cấp thông tin: tên giải pháp, tư vấn định/mua/ thuê)	Tối đa 6 điểm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2.4.	Cơ triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất (gung cấp thông tin: tên giải pháp, tư vấn định/mua/ thuê)	Tối đa 8 điểm	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
			12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
			10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
<b>TỔNG CỘNG</b>				170	168	131	171	159	142	136	155	157	148	157	162	168	150	117	154	152	150	174	157	180	170	165	173	169			